

PHIẾU DỮ LIỆU AN TOÀN

1. Nhận dạng

Mã định danh sản phẩm	Tricaine Pharmaq
Các hình thức nhận dạng khác	Không có.
Công dụng đề nghị	Veterinary product used as Fish anesthetic agent
Các giới hạn đề nghị	Not for human use
Thông tin về Nhà Sản Xuất/Nhập Khẩu/Cung Cấp/Phân Phối	
Tên công ty:	PHARMAQ AS (part of Zoetis)
Office address:	Industrivegen 50
Postal address:	Skogmo Industriområde 7863 Overhalla, Norge
Số Điện Thoại:	+47 74 28 08 00
Fax number:	+47 74 28 08 01
Email:	customer.service@pharmaq.no
Website:	http://www.pharmaq.no
Emergency telephone number:	Norway (Giftinformasjonen):+47 22 59 13 00 United Kingdom: 999 hoặc 112 Italia : 112
Additional emergency telephone number:	International CHEMTREC (24 hours): +1-703-527-3887

2. Nhận diện các hiểm họa

Hiểm Họa Vật Lý	Không được phân loại.	
Hiểm Họa Cho Sức Khỏe	Ăn mòn/kích ứng da	Loại 2
	Gây tổn thương mắt /kích ứng mắt nghiêm trọng	Loại 2
	Độc tính đối với cơ quan tác dụng đặc hiệu đến sau một lần tiếp xúc	Nhóm 3 kích ứng đường hô hấp
Các hiểm họa cho môi trường	Nguy hiểm cho môi trường nước, hiểm họa cấp	Loại 3
	Nguy hiểm cho môi trường nước, hiểm họa lâu dài	Loại 3

Các thành phần của nhãn



Từ cảnh báo	Cảnh báo
Công bố hiểm họa	Gây kích ứng da. Gây kích ứng mắt nghiêm trọng. Có thể gây kích ứng đường hô hấp. Có hại cho các sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài.
Thông điệp đề phòng	
Phòng Ngừa	Tránh hít bụi/khói/khí/sương/các hơi/bụi xịt. Rửa kỹ sau khi thao tác. Chỉ dùng ngoài trời hoặc ở nơi thông khí tốt. Tránh phát tán ra môi trường. Sử dụng phương tiện bảo vệ mắt/mặt. Đeo găng tay bảo vệ.
Ứng phó	NẾU BỊ DÍNH VÀO DA: Rửa bằng nhiều xà phòng và nước. Nếu bị kích ứng da: Tìm bác sĩ hướng dẫn/chăm sóc. NẾU HÍT PHẢI: Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí và để cho nghỉ ngơi trong một tư thế dễ thở. Gọi cho một TRUNG TÂM ĐỘC CHẤT hay bác sĩ nếu bạn thấy không được khỏe. NẾU BỊ VẮNG VÀO MẮT: Rửa cẩn thận với nước trong nhiều phút. Lấy kính tiếp xúc ra, nếu có và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa. Nếu vẫn không hết bị kích ứng mắt: Tìm bác sĩ hướng dẫn/chăm sóc. Cởi bỏ ngay quần áo bị ô nhiễm và giặt trước khi dùng lại.
Bảo Quản	Bảo quản ở nơi thông khí tốt. Giữ dụng cụ đựng thật kín. Bảo quản khóa chặt.

Thải bỏ	Vứt bỏ vật chứa bên trong/thùng chứa tuân theo các quy định địa phương/khu vực/quốc gia/quốc tế.
Các hiểm họa khác không cần phải được phân loại	Chưa được biết.
Thông tin thêm	Không có.

3. Thành phần/ thông tin về các phụ liệu

Các hỗn hợp

Tên Hóa Chất	Tên thông dụng và từ đồng nghĩa	Số CAS	%
3-ethoxycarbonylanilinium Methanesulphonate		886-86-2	100

4. Các biện pháp sơ cứu

Hít phải	Đưa ra nơi thoáng khí và để cho nghỉ ngơi trong một tư thế dễ thở. Gọi cho một TRUNG TÂM ĐỘC CHẤT hay bác sĩ nếu bạn thấy không được khỏe.
Tiếp xúc với da	Cởi bỏ quần áo đã bị ô nhiễm. Rửa bằng nhiều xà phòng và nước. Nếu bị kích ứng da: Tìm bác sĩ hướng dẫn/chăm sóc. Giặt sạch quần áo ô nhiễm rồi mới được dùng lại.
Tiếp xúc với mắt	Rửa mắt ngay bằng nhiều nước trong ít nhất 15 phút. Tháo kính sát trùng, nếu có và nếu dễ tháo. Tiếp tục súc rửa. Tìm kiếm sự chăm sóc y tế nếu vùng kích ứng lan rộng và dai dẳng
Ăn phải	Súc miệng. Gọi bác sĩ hoặc trung tâm chất độc ngay lập tức. Chỉ gây nôn khi có chỉ thị của nhân viên y tế. Không bao giờ cho vào miệng người bất tỉnh bất cứ thứ gì.
Các triệu chứng/tác dụng quan trọng nhất, cấp tính và chậm xuất hiện	Kích ứng mắt nghiêm trọng. Các triệu chứng có thể bao gồm xót, chảy nước mắt, đỏ, sưng, và mờ mắt. Có thể gây kích ứng đường hô hấp. Kích ứng da. Có thể gây đỏ và đau. Individuals sensitive to this chemical or other materials in its chemical class may develop allergic reactions.
Dấu hiệu cần phải được chăm sóc y tế ngay lập tức và điều trị đặc biệt	Có các biện pháp hỗ trợ tổng quát và điều trị triệu chứng. Theo dõi nạn nhân. Các triệu chứng có thể chậm. Anesthetic drug: may cause central nervous system and cardiovascular system effects. Theo dõi hô hấp, tim và hệ thần kinh trung ương.
Thông tin tổng quát	NẾU bị tiếp xúc hoặc lo ngại: Tìm gặp bác sĩ để được hướng dẫn/chăm sóc. Đảm bảo rằng các nhân viên y tế nhận thức được (các) vật liệu liên quan, và thực hiện thận trọng để bảo vệ chính mình. Về vấn đề bảo hộ cá nhân, xin xem mục 8 của bản thông tin an toàn vật liệu này.

5. Các biện pháp cứu hỏa

Các chất chữa cháy phù hợp	Sương nước. Bọt. Bộ hóa chất khô. Carbon dioxide (CO2).
Chất chữa cháy không phù hợp	Không dùng vòi xịt nước để dập lửa, vì việc này sẽ gây lan thêm lửa.
Hiểm họa đặc trưng phát sinh từ hóa chất	Trong khi cháy, các khí nguy hiểm cho sức khỏe có thể được hình thành. Có thể cháy.
Trang bị bảo hộ đặc biệt cho nhân viên chữa cháy	Phải sử dụng thiết bị thở tự điều khiển và trang phục bảo hộ đầy đủ khi chữa cháy.
Các chỉ dẫn/trang thiết bị cứu hỏa	Sử dụng bụi nước để làm mát các bình chứa không mở.
Các biện pháp cụ thể	Sử dụng các quy trình chữa cháy tiêu chuẩn và xem xét các hiểm họa của các vật liệu liên quan khác.
Các hiểm họa cháy nói chung	Có thể tạo thành những nồng độ bụi có thể cháy trong không khí.

6. Các biện pháp xử lý rò rỉ bất ngờ

Các biện pháp đề phòng cá nhân, thiết bị bảo vệ và các quy trình xử lý khẩn cấp	Đề xa những người không cần thiết. Giữ mọi người tránh xa khỏi khu vực tràn đổ/rò rỉ và tránh hướng gió thổi. LOẠI BỎ tất cả các nguồn lửa (không hút thuốc, không pháo sáng hoặc tia lửa điện trong các khu vực kế cận). Đảm bảo sự thông hơi đầy đủ. Thông hơi khu vực bị nhiễm hóa chất. Mang thiết bị và quần áo bảo hộ thích hợp trong khi dọn dẹp. Không hít bụi. Không chạm vào các dụng cụ đựng đã hư hỏng hoặc vật liệu tràn đổ trừ khi có sử dụng trang phục bảo vệ phù hợp. Các nhà chức trách địa phương cần được thông báo nếu xảy ra sự cố tràn đổ lớn không thể kiểm soát được. Về vấn đề bảo hộ cá nhân, xin xem mục 8 của bản thông tin an toàn vật liệu này.
Phương pháp và vật liệu để ngăn chặn và làm sạch	Đảm bảo sự thông hơi đầy đủ. Tránh tạo ra bụi khi dọn dẹp. LOẠI BỎ tất cả các nguồn lửa (không hút thuốc, không pháo sáng hoặc tia lửa điện trong các khu vực kế cận). Ngăn ngừa không cho sản phẩm đi vào hệ thống cống rãnh. Lượng Đổ Lớn: Ngăn dòng chảy vật liệu, nếu việc này không gây nguy hiểm. Collect spill with an inert, non-combustible absorbent material and transfer to labeled container for disposal. Làm sạch bề mặt cẩn thận để loại bỏ lượng ô nhiễm còn lại. Không nên để phát thải vào môi trường. Lượng Đổ Nhỏ: Wipe up with a damp cloth and place in container for disposal. Làm sạch bề mặt cẩn thận để loại bỏ lượng ô nhiễm còn lại. Không bao giờ bỏ chất đã đổ vào bao chứa ban đầu để tái sử dụng. Về thải bỏ chất thải, xin xem mục 13 của Bản Thông Tin An Toàn Vật Liệu này.

Các biện pháp đề phòng cho môi trường

Tránh phát tán ra môi trường. Thông báo cho người quản lý hoặc giám sát phù hợp biết về mọi sự cố phóng thích ra môi trường. Ngăn ngừa việc rò rỉ hoặc tràn đổ tiếp theo nếu việc làm này an toàn. Không xả vào cống rãnh, kênh rạch hoặc xuống đất.

7. Thao tác và bảo quản

Các biện pháp đề phòng cho thao tác an toàn

Chỉ dùng ngoài trời hoặc ở nơi thông khí tốt. Giảm thiểu sinh và tích tụ bụi. Tránh xa nhiệt/tia lửa/ngọn lửa trần/các bề mặt nóng. Không hút thuốc. Avoid breathing dust, vapor or mist. Tránh tiếp xúc với mắt, da, và quần áo Sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân phù hợp. Giám sát thực hiện tốt các biện pháp vệ sinh công nghiệp. Không ăn, uống, hút thuốc khi sử dụng. Rửa kỹ sau khi thao tác. Giặt sạch quần áo ô nhiễm rồi mới được dùng lại. Tránh phát tán ra môi trường.

Các điều kiện bảo quản an toàn, kể cả mọi tính chất tương kỵ

Bảo quản khóa chặt. Đóng kín các bình chứa và để tại nơi khô ráo, mát mẻ và thông gió tốt. Bảo quản xa các vật liệu tương kỵ (xem Mục 10 của Bản Thông Tin An Toàn Vật Liệu). Nhiệt độ phòng - điều kiện bình thường. Tránh xa nhiệt. Bảo vệ tránh ánh nắng. Bảo vệ tránh ẩm. Giữ xa tầm tay của trẻ em.

8. Kiểm soát việc tiếp xúc / bảo hộ cá nhân

Các giới hạn tiếp xúc nghề nghiệp

Chưa có các giới hạn tiếp xúc nào đáng chú ý cho (các) thành phần.

Các giá trị giới hạn sinh học

Không có giới hạn tiếp xúc sinh học nào đáng lưu ý cho (các) thành phần.

Các hướng dẫn đối với phơi nhiễm

Tiếp xúc nghề nghiệp với bụi gây phiền toái (tổng số và hô hấp) cần được theo dõi và kiểm soát.

Giải pháp phân nhóm kiểm soát

Không có.

Các biện pháp kiểm soát kỹ thuật phù hợp

Nên sử dụng phương pháp thông khí toàn bộ (thường là 10 lần thay không khí mỗi giờ). Tốc độ thông khí phải phù hợp với các điều kiện. Nếu áp dụng, sử dụng tủ xử lý kín, thông hút khí tại chỗ, hoặc các biện pháp kỹ thuật khác để duy trì mức nồng độ trong không khí dưới giới hạn tiếp xúc đề nghị. Nếu chưa thiết lập được các giới hạn tiếp xúc, hãy duy trì mức nồng độ trong không khí ở mức có thể chấp nhận. Nên có điệm rửa mắt và các phòng tắm khăn cấp.

Các biện pháp bảo vệ cá nhân, như trang bị bảo hộ cá nhân

Biện pháp bảo vệ mắt/mặt

Đeo kính an toàn có gờ chắn bên (hoặc kính bảo hộ).

Bảo vệ da

Bảo vệ tay

Mang bao tay chống hóa chất thích hợp. Găng tay cao su. Găng tay không thấm.

Khác

Mặc trang phục bảo hộ thích hợp. Use protective clothing (uniforms, lab coats, disposable coveralls, etc.) in both production and laboratory areas.

Bảo vệ đường hô hấp

Thông thường không yêu cầu các thiết bị bảo hộ hô hấp cá nhân. Trong trường hợp không đủ thông thoáng, sử dụng thiết bị bảo vệ đường hô hấp phù hợp. Phải đeo mặt nạ phòng độc nếu phơi nhiễm với bụi

Các hiểm họa nhiệt

Không áp dụng.

Các lưu ý vệ sinh chung

Luôn giám sát việc thực hiện tốt các biện pháp vệ sinh cá nhân, như rửa sạch sau khi làm việc với vật liệu và trước khi ăn, uống, và/hoặc hút thuốc. Thường xuyên giặt quần áo và các thiết bị bảo hộ cho sạch các chất gây ô nhiễm.

9. Tính chất lý hóa

Ngoại Quan

Kết tinh. Bột. (Fine powder.)

Trạng thái vật lý

Chất Rắn.

Dạng

Chất rắn.

Màu

Trắng.

Mùi

Không có.

Ngưỡng phát hiện mùi

Không có.

pH

Không có.

Điểm chảy/điểm đông

147 - 150 °C (296.6 - 302 °F)

Điểm và vùng nhiệt độ sôi ban đầu

Không có.

Điểm chớp cháy

Không có.

Tốc độ bay hơi

Không có.

Khả năng cháy (rắn, khí)

Không có.

Giới hạn cháy trên/dưới hoặc các giới hạn nổ

Giới hạn cháy - dưới (%)

Không có.

Giới hạn cháy - trên (%)

Không có.

Giới hạn nổ – dưới (%)

Không có.

Giới hạn nổ – trên (%)

Không có.

Áp suất hơi	Không có.
Tỷ khối hơi	Không có.
Tỷ trọng tương đối	Không có.
(Các) độ tan	
Tính tan (nước)	Không có.
Độ tan (trong các chất khác)	Insoluble in cold water
Hệ số phân tách (n-octanol/nước)	Không có.
Nhiệt độ tự bốc cháy	Không có.
Nhiệt độ phân hủy	Không có.
Độ nhớt	Không có.
Thông tin khác	
Các tính chất nổ	Không nổ.
Các tính chất oxy hóa	Không oxy hóa.

10. Độ bền và khả năng phản ứng

Khả năng phản ứng	Sản phẩm ổn định và không phản ứng trong các điều kiện sử dụng, bảo quản và vận chuyển bình thường.
Độ bền hóa học	Vật liệu ổn định trong các điều kiện bình thường.
Khả năng gây phản ứng nguy hiểm	Không phản ứng nguy hiểm nào được biết đến trong điều kiện sử dụng thường.
Các điều kiện cần tránh	Tiếp xúc với các vật liệu tương kỵ. Ánh sáng mặt trời. Nhiệt độ cao. Nhiệt dư. Hơi ẩm. Avoid dispersion as a dust cloud. Tránh xa nhiệt, tia lửa và ngọn lửa trần. Giảm thiểu sinh và tích tụ bụi.
Các vật liệu tương kỵ	Các chất oxy hóa mạnh. Các axit. Acid chlorides. Acid anhydrides. Chloroformates.
Các sản phẩm phân hủy gây nguy hiểm	Các chất hơi và khí gây kích ứng và/hoặc có độc có thể phát tán khi phân hủy sản phẩm. Cacbon oxit. Các hợp chất lưu huỳnh Các hợp chất của nitơ.

11. Thông tin về độc tính

Thông tin về các lộ trình tiếp xúc có khả năng xảy ra

Hít phải	Có thể gây kích ứng hệ hô hấp.
Tiếp xúc với da	Gây kích ứng da.
Tiếp xúc với mắt	Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.
Ăn phải	Có thể có hại nếu nuốt phải. Tuy nhiên, chắc chắn ăn phải sẽ không phải là đường tiếp xúc chính trong nghề nghiệp.

Triệu chứng liên quan đến tính chất vật lý, hóa học và độc tính. Kích ứng mắt nghiêm trọng. Các triệu chứng có thể bao gồm xót, chảy nước mắt, đỏ, sưng, và mờ mắt. Có thể gây kích ứng đường hô hấp. Kích ứng da. Có thể gây đỏ và đau. Individuals sensitive to this material or other materials in its chemical class may develop allergic reactions.

Thông tin về các tác dụng độc

Độc tính cấp tính Bụi có thể gây kích ứng đường hô hấp, da và mắt.

Sản Phẩm	Loài	Kết quả thử nghiệm
Tricaine Pharmaq		
Cấp tính		
Qua Miệng		
LD50	Chuột	5200 mg/kg
		2400 mg/kg
	Thỏ	4000 mg/kg

Ăn mòn/kích ứng da Gây kích ứng da.

Gây tổn thương mắt /kích ứng mắt nghiêm trọng Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.

Gây mẫn cảm đường hô hấp hoặc da

Gây mẫn cảm đường hô hấp Do dữ liệu còn thiếu một phần hoặc hoàn toàn nên không thể phân loại được. Individuals sensitive to this material or other materials in its chemical class may develop allergic reactions.

Gây mẫn cảm da Do dữ liệu còn thiếu một phần hoặc hoàn toàn nên không thể phân loại được. Individuals sensitive to this material or other materials in its chemical class may develop allergic reactions.

Khả năng gây đột biến tế bào mầm Không có dữ liệu cho thấy sản phẩm hoặc bất kỳ thành phần nào có trên 0.1% tác nhân gây đột biến hoặc tác nhân gây ngộ độc di truyền.

Khả năng gây ung thư Do dữ liệu còn thiếu một phần hoặc hoàn toàn nên không thể phân loại được.

Độc tích sinh sản	Sản phẩm này không được xem là gây các tác dụng lên chức năng sinh sản hoặc tăng trưởng.
Độc tính đối với cơ quan tác dụng đặc hiệu đến sau một lần tiếp xúc	Có thể gây kích ứng đường hô hấp.
Độc tính đối với cơ quan tác dụng đặc hiệu đến sau lần tiếp xúc lại	Không được phân loại.
Hiểm họa hít phải	Không phải là một hiểm họa cho đường hô hấp.
Thông tin khác	Anesthetic drug: may cause central nervous system and cardiovascular system effects.

12. Thông tin về sinh thái

Độc tính sinh thái Có hại cho các sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài. Tránh phát tán ra môi trường.

Thành phần	Loài	Kết quả thử nghiệm
3-ethoxycarbonylanilinium Methanesulphonate (CAS 886-86-2)		
Dưới nước		
Cá	LC50	Cá Striped Bass (Morone saxatilis) 22.7 - 34.9 mg/l, 96 giờ

Độ Bền Và Khả Năng Phân Hủy	Không có dữ liệu nào về tính bị phân hủy bởi vi sinh vật của sản phẩm.
Khả năng tích tụ sinh học	Không có dữ liệu.
Di chuyển trong đất	Không có dữ liệu đối với sản phẩm này.
Các tác dụng có hại khác	Không có các tác dụng bất lợi cho môi trường nào khác (ví dụ, gây suy yếu tầng ozon, khả năng tạo ozon bằng phương pháp quang hóa, rối loạn nội tiết, khả năng làm tăng nhiệt độ trái đất) được xem là sẽ gặp phải từ thành phần này.

13. Các cân nhắc khi thải bỏ

Các Hướng Dẫn Thải Bỏ	Tránh phát tán ra môi trường. Không xả vào cống rãnh, kênh rạch hoặc xuống đất. Considering the relevant known environmental and human health hazards of the material, review and implement appropriate technical and procedural waste water and waste disposal measures to prevent occupational exposure and environmental release. It is recommended that waste minimization be practiced. The best available technology should be utilized to prevent environmental releases. This may include destructive techniques for waste and wastewater. Vứt bỏ vật chứa bên trong/thùng chứa tuân theo các quy định địa phương/khu vực/quốc gia/quốc tế.
Chất thải từ cặn lắng/ sản phẩm không sử dụng	Loại bỏ theo quy định của địa phương Các dụng cụ đựng hoặc túi lót rỗng có thể còn chứa các cặn dư của sản phẩm. Vật liệu này và dụng cụ đựng của nó phải được thải bỏ bằng một cách thức an toàn (xem: Hướng dẫn thải bỏ).
Bao bì bị ô nhiễm	Vì các dụng cụ đựng đã cặn vẫn có thể còn lại cặn sản phẩm, thực hiện dán nhãn cảnh báo ngay cả sau khi dụng cụ đựng đã cặn.

14. Thông tin về việc vận chuyển

IATA	Không được quy định là hàng hóa nguy hiểm.
IMDG	Không được quy định là hàng hóa nguy hiểm.
Vận chuyển số lượng lớn theo Phụ Lục II của Hiệp Định MARPOL 73/78 và Quy Tắc IBC	Không áp dụng.

15. Thông tin về quy định

Các quy định quốc gia	
Các Chất Tiêu Hủy Tầng Ozon (ODS) Thông Tư Liên Ngành số 14/2005/TTLT-BTM-BTNMT	Không được quy định.
Việt Nam. Các hóa chất phải khai báo (Nghị định số 108/2008/ND-CP, phụ lục 5, ngày 7/10/2008, sửa đổi qua Nghị Định số 26/2011/ND-CP, 8/4/2011)	Không được quy định.
Việt Nam. Hóa Chất Độc Cần Sử Dụng Phiếu Kiểm Soát Mua Bán (Nghị định số 26/2011/ND-CP, Phụ Lục 6, ngày 8/4/2011)	Không được quy định.
Việt Nam. CWC (Nghị định số 100/2005/ND-CP, Thực hiện Công Ước Về Vũ Khí Hóa Học, Phụ Lục 1, Bảng 1-3, ngày 3/8/2005)	Không được quy định.
Việt Nam. Các Chất Ma Túy & Tiền Chất (Nghị Định 67/2001/ND-CP, Danh Sách IV, sửa đổi qua Nghị Định số 17/2011/ND-CP, 22/2/2011)	Không được quy định.

Các quy định quốc tế

Hiệp Ước Stockholm

Không áp dụng.

Hiệp Ước Rotterdam

Không áp dụng.

Nghị định thư Montreal

Không áp dụng.

Nghị định thư Kyoto

Không áp dụng.

Hiệp Ước Basel

Không áp dụng.

Các Danh Mục Quốc Tế

Quốc gia hoặc khu vực	Tên kiểm kê	Đang lưu kho (có/không)*
Ôt-xtrây-li-a	Kiểm Kê Các Chất Hóa Học của Úc (AICS)	Có
Canada	Danh Sách Chất Sinh Hoạt (DSL)	Có
Canada	Danh Sách Các Chất Không Phải Sinh Hoạt (NDSL)	Không
Trung Quốc	Kiểm Kê Các Chất Hóa Học Hiện Hữu ở Trung Quốc (IECSC)	Có
Châu Âu	Danh mục Hóa Chất Thương Mại Hiện Hành của châu Âu (EINECS)	Có
Châu Âu	Danh Sách Các Chất Hóa Học Được Thông Báo của Châu Âu (ELINCS)	Không
Độ nhớt động học	Kiểm Kê Các Chất Hóa Học Mới và Hiện Hữu (ENCS)	Không
Hàn Quốc	Danh Sách Hóa Chất Hiện Hữu (ECL)	Không
Niu Di Lân	Kiểm Kê New Zealand	Có
Philippines	Kiểm Kê Các Hóa Chất và Chất Hóa Học (PICCS)	Không
Hoa Kỳ và Puerto Rico	Danh Mục Theo Đạo Luật Kiểm Soát Chất Độc (TSCA)	Có

*"Có" chỉ ra rằng mọi thành phần của sản phẩm này phù hợp với các yêu cầu hàng tồn kho được quản lý bởi quốc gia cai quản

"Không" cho biết một hoặc nhiều thành phần của sản phẩm không được nêu hoặc được miễn nêu trong danh mục do (các) quốc gia quản lý quản trị.

16. Thông tin khác, kể cả ngày soạn thảo hoặc sửa đổi

Ngày Ban Hành	21-Tháng-Tám-2018
Phiên bản số	01
Khước Từ Trách Nhiệm	Zoetis Inc. believes that the information contained in this Safety Data Sheet is accurate, and while it is provided in good faith, it is without warranty of any kind, expressed or implied. If data for a hazard are not included in this document there is no known information at this time. Thông tin trong bảng này được viết dựa trên kiến thức và kinh nghiệm tốt nhất hiện có.